Test 1

Previous | Reset | 1/33 (ID: 438808) | Mark For Review | Skip | Next

Hệ điều hành (OS) là gì?

- Khu vực làm việc của màn hình máy tính.
- Một cái gì đó đi vào máy tính.
- Phần mềm hỗ trợ các chức năng cơ bản của máy tính.
- Thiết bị vật lý lưu trữ thông tin cho hệ điều hành, phần mềm và phần cứng.

C

Previous | Reset | 2/33 (ID: 438809) | Mark For Review | Skip | Next

Thiết bị nào trong số này là thiết bị nhập (Input Device)?

- Keyboard
- Printer
- Speakers
- Monitor

A

Previous | Reset | 3/33 (ID: 438810) | Mark For Review | Skip | Next

Tùy chọn nào dưới đây có thể được sử dụng để truyền dữ liệu không dây giữa 2 thiết bị gần nhau?

- Ethernet
- Firewall
- Modem
- Bluetooth

D

Previous | Reset | 4/33 (ID: 438811) | Mark For Review | Skip | Next

Nỗ lực khai thác hệ thống máy tính hoặc mạng riêng bên trong máy tính được gọi là gì?

- Bystander
- Công dân kỹ nguyên số (Digital Citizenship)
- Dấu chân kỹ thuật số (Digital footprint)
- Hacking

D

LIVEWORKSHEETS

Previous | Reset | 5/33 (ID: 438812) | Mark For Review | Skip | Next

Phản ứng thích hợp nếu bạn bị bắt nạt trên mạng (cyberbullying) là gì?

- Làm gì đó để trả thù.
- Dừng lại, tạm dừng, nói chuyện với người lớn.
- Bỏ qua nó và không làm gì cả.
- Ngừng sử dụng máy tính.

B

Previous | Reset | 6/33 (ID: 438813) | Mark For Review | Skip | Next

Điều gì KHÔNG phải là một phần của dấu chân kỹ thuật số (footprint) của bạn?

- Đăng ký nhận bản tin email.
- Bài đăng trên mạng xã hội
- Nhạc được lưu trên ổ cứng máy tính.
- Mua hàng trực tuyến.

C

Previous | Reset | 7/33 (ID: 438814) | Mark For Review | Skip | Next

Một ví dụ về việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số một cách thích hợp trong trường học hoặc nơi làm việc là gì?

- Bí mật ghi lại âm thanh của anh chị em của bạn để hiển thị bạn bè của bạn.
- Hợp tác với các bạn cùng lớp trong một bài tập nhóm.
- Chơi game hầu hết thời gian trong ngày.
- Quay video các bạn cùng lớp ăn trưa và đăng lên mạng.

B

Previous | Reset | 8/33 (ID: 438815) | Mark For Review | Skip | Next

Nó được gọi là gì khi bạn buộc một trình duyệt truy xuất một trang web từ máy chủ thay vì tải nó từ bộ đệm?

- Tải lại (Reloading)
- Điều hướng (Navigating)
- Đánh dấu trang (Bookmarking)
- Gửi biểu mẫu (Submitting a form)

A

LIVEWORKSHEETS

Previous | Reset | 9/33 (ID: 438816) | Mark For Review | Skip | Next

Cách nhanh nhất để quay lại một trang web sau đó là gì?

- Nói với một người bạn về trang web bạn tìm thấy.
- In toàn bộ trang web
- Viết URL trên một tờ giấy.
- Tạo dấu trang

D

Previous | Reset | 10/33 (ID: 438817) | Mark For Review | Skip | Next

Tùy chọn nào dưới đây là một ví dụ về giải trí?

- Gửi email cho giáo viên của bạn.
- Một bảng tính điểm của bạn.
- Truyền trực tuyến (streaming) một chương trình.
- Một từ điển trực tuyến.

C

Previous | Reset | 11/33 (ID: 438818) | Mark For Review | Skip | Next

Địa chỉ của một trang web được gọi là gì?

- URL
- Tiêu đề trang (Page title)
- Nhà xuất bản (Publisher)
- Tác giả (Author)

A

Previous | Reset | 12/33 (ID: 438819) | Mark For Review | Skip | Next

Bạn cần thông tin về một chủ đề cụ thể cho trường học, nhưng tìm kiếm ban đầu của bạn không trả lại bất kỳ kết quả hữu ích nào. Bạn nên thử gì tiếp theo?

- Nhấp vào quảng cáo được đề xuất.
- Tinh chỉnh tìm kiếm của bạn.
- Gửi email cho giáo viên của bạn về việc thay đổi chủ đề.
- Từ bỏ và sử dụng một cuốn sách.

B

LIVEWORKSHEETS

Previous | Reset | 13/33 (ID: 438820) | Mark For Review | Skip | Next

Khi bạn tìm kiếm một chủ đề và thấy "quảng cáo" bên cạnh một số liên kết, điều đó có nghĩa là gì?

- Đây là một mục được tài trợ mà ai đó đã trả tiền.
- Tìm kiếm của bạn không mang lại đủ kết quả.
- Máy tính của bạn bị nhiễm virus.
- Bạn sẽ mất tiền nếu bạn nhấp vào liên kết.

A

Previous | Reset | 14/33 (ID: 438821) | Mark For Review | Skip | Next

Khi bạn sử dụng từ đồng nghĩa để làm rõ mục tiêu tìm kiếm, bạn đang làm gì?

- Làm cho phạm vi tìm kiếm càng rộng càng tốt.
- Giới hạn kết quả tìm kiếm chỉ cho các trang web giáo dục.
- Sử dụng các từ tương tự hoặc giống với tìm kiếm ban đầu để tinh chỉnh kết quả.
- Bỏ qua các quảng cáo trong một công cụ tìm kiếm.

C

Previous | Reset | 15/33 (ID: 438822) | Mark For Review | Skip | Next

Các từ hoặc cụm từ ngắn ở đầu trang trình chiếu kỹ thuật số (digital slide) là gì?

- Tiêu đề (Heading)
- Tác giả (Author)
- URL
- Nhà xuất bản (Publisher)

A

Previous | Reset | 16/33 (ID: 438823) | Mark For Review | Skip | Next

Ứng dụng nào có thể được sử dụng để hiển thị hình ảnh, văn bản, video và nội dung trực quan khác cho khán giả?

- Ứng dụng nhắn tin (Text/SMS application)
- Ứng dụng bảng tính (Spreadsheet application)
- Ứng dụng trình chiếu (Slideshow application)
- Ứng dụng thư điện tử (Email application)

C

LIVEWORKSHEETS

Previous | Reset | 17/33 (ID: 438824) | Mark For Review | Skip | Next

Việc sử dụng thích hợp của một danh sách được đánh số là gì?

- Thêm hình ảnh vào bản trình chiếu.
- Viết một lá thư gồm nhiều đoạn.
- Gửi tin nhắn văn bản.
- Liệt kê các mục theo một thứ tự hoặc trình tự thời gian nhất định.

D

Tùy chọn nào dưới đây là nghi thức trực tuyến KHÔNG phù hợp?

- Giải quyết xung đột trực tuyến ngoại tuyến.
- Tôn trọng sự riêng tư của người khác.
- Viết email sử dụng tất cả các chữ hoa.
- Hãy đối xử với người khác theo cách bạn muốn được đối xử.

C

Previous | Reset | 19/33 (ID: 438826) | Mark For Review | Skip | Next

Bạn đọc một số tin tức trực tuyến làm bạn khó chịu. Bạn nên làm gì tiếp theo?

- Tạm ngừng; hít thở và suy nghĩ trước khi bạn hành động.
- Ngừng đọc tin tức trực tuyến.
- Viết một email tức giận cho tác giả.
- Nói với mọi người bạn biết rằng tin tức là giả mạo.

A

Previous | Reset | 20/33 (ID: 438827) | Mark For Review | Skip | Next

Việc bạn chia sẻ công việc với các bạn cùng lớp để nhận phản hồi được gọi là gì?

- Trách nhiệm (Responsibilities)
- Xuất bản (Publishing)
- Vai trò (Roles)
- Đánh giá ngang hàng (Peer review)

D

Previous | Reset | 21/33 (ID: 438828) | Mark For Review | Skip | Next

Yếu tố nào KHÔNG phải là yếu tố hợp tác thành công?

- Đặt mục tiêu và kỳ vọng rõ ràng.
- Giao tiếp rõ ràng.
- Tiếp tục nhiệm vụ.
- Phê bình ý kiến hoặc quan điểm của mọi người trước khi hiểu chúng.

D

LIVEWORKSHEETS

Previous | Reset | 22/33 (ID: 438829) | Mark For Review | Skip | Next

Phần mềm diệt virus là gì?

- Một hình thức quấy rối trực tuyến.
- Một chương trình bảo vệ máy tính hoặc mạng khỏi phần mềm độc hại (computer viruses).
- Khả năng cho nhiều người dùng truy cập vào cùng một tập tin.
- Ăn cắp, xem hoặc làm hỏng dữ liệu của người dùng khác.

B

Previous | Reset | 23/33 (ID: 438830) | Mark For Review | Skip | Next

Điều gì KHÔNG phải là mối nguy hiểm phổ biến của thời gian sử dụng thiết bị kéo dài?

- Mệt mỏi hoặc đau chân.
- Khó ngủ.
- Mắt căng thẳng hoặc mệt mỏi.
- Đau lưng và cổ.

D

Previous | Reset | 24/33 (ID: 438831) | Mark For Review | Skip | Next

Tùy chọn nào dưới đây là một ví dụ về CYBERBULLYING?

- Gửi tin nhắn gây tổn thương cho ai đó trực tuyến.
- Nói những điều gây tổn thương về ai đó trong bữa trưa.
- Lan truyền tin đồn về ai đó trong giờ học.
- Để lại những ghi chú gây tổn thương trên bàn của ai đó ở trường.

A

Bước tiếp theo an toàn nhất là gì khi bạn nhận được một siêu liên kết (URL) trong email từ một người gửi mà bạn không biết?

- Trả lời và hỏi người gửi URL có an toàn để mở không.
- Dừng lại, tạm dừng và nói chuyện với người lớn.
- Nhấp vào liên kết để xem những gì họ làm.
- Chuyển tiếp nó đến càng nhiều người càng tốt.

B

LIVEWORKSHEETS

Previous | Reset | 26/33 (ID: 438833) | Mark For Review | Skip | Next

Trang Web sử dụng gì để theo dõi dữ liệu và sở thích của người dùng?

- Thông tin xác thực (Credentials)
- Dịch vụ tin nhắn ngắn (SMS)
- Tiêu đề (Heading)
- Cookies

D

Previous | Reset | 27/33 (ID: 438964) | Mark For Review | Skip | Next

Đối với mỗi ví dụ, hãy chọn **Có** nếu đó là ví dụ về THIẾT BỊ ĐẦU VÀO (Input DEvice) và **Không** nếu không phải.

	Yes	No	
Touchpad (Bàn di chuột)	○	○	**CÓ**
Monitor (Màn hình)	○	○	**Không**
Touchscreen (Màn hình cảm ứng)	○	○	**Có**
Headphones (Tai nghe)	○	○	**Không**

Previous | Reset | 28/33 (ID: 438970) | Mark For Review | Skip | Next

Đối với mỗi câu lệnh, hãy chọn **Có** nếu thiết bị có thể NHÌN THẤY bạn trong quá trình sử dụng và **Không** nếu không.

	Yes	No	
Laptop có tích hợp webcam	○	○	**CÓ**
Tai nghe Bluetooth	○	○	**Không**
Chuông cửa nhà thông minh	○	○	**Có**
Google Chromebook	○	○	**Có**

Previous | Reset | 29/33 (ID: 438971) | Mark For Review | Skip | Next

Đối với mỗi câu, hãy chọn **Có** nếu đó là một ví dụ về giao tiếp phù hợp và **Không** nếu không.

	Yes	No	
Nhắn tin cho giáo viên của bạn lúc 3 giờ sáng về bài tập ở trường	○	○	**Không**
Gửi email cho thủ thư để yêu cầu giới thiệu sách.	○	○	**Có**
Sử dụng trò chuyện video để thảo luận về một dự án ở trường với các bạn cùng lớp vào cuối tuần.	○	○	**Có**

LIVEWORKSHEETS

Previous | Reset | 30/33 (ID: 438972) | Mark For Review | Skip | Next

Đối với mỗi ví dụ, nêu **CÓ** nếu đó là ví dụ về cách sử dụng hình ảnh phù hợp và **KHÔNG** nếu không.

	Yes	No	
Việc thêm ảnh của bạn vào mỗi slide của bài thuyết trình nhóm ở trường.	○	○	**Không**
Thêm chú thích cho tất cả hình ảnh trong báo cáo của trường.	○	○	**Có**
Sử dụng hình ảnh bạn không sở hữu cho một bài báo trên tờ báo của trường.	○	○	**Không**
Lưu hình ảnh trực tuyến với giấy phép Creative Commons để sử dụng cho tờ báo của trường.	○	○	**Có**

Previous | Reset | 31/33 (ID: 438986) | Mark For Review | Skip | Next

Nối mỗi ví dụ ở bên phải với phần tài liệu được thể hiện ở bên trái.

- Numbered list (Danh sách số đầu dòng)
- Bulleted list (Danh sách dấu đầu dòng)
- Heading (Đề mục/Tiêu đề phần)
- Title (Tiêu đề)

Marine Animals — **Title**

Endangered water habitats — **Heading**

- snorkel
- dry suit
- swimsuit
- sunscreen

Bulleted list

1. Swim away from the boat
2. Dive under the surface until you see the sunken ship
3. Proceed to the ship and swim around it one time
4. Swim back to the boat
5. Re-enter the boat

Numbered list

LIVEWORKSHEETS

Previous | Reset | 32/33 (ID: 438987) | Mark For Review | Skip | Next

Nối mỗi ví dụ ở bên phải với kiểu định dạng ở bên trái.

Font size (Kích thước chữ)		Animals in the Wild)"> **Animals in the Wild**
Alignment (Căn chỉnh)		
Bold (In đậm)		The Animal KingdomPredators and PreyEverything You Need to Know)"> The Animal KingdomPredators and PreyEverything You Need to Know
		Candy Around the World Candy Bars Chocolates

Bold

Font size

Alignment

Previous | Reset | 33/33 (ID: 438988) | Mark For Review | Skip | Next

Nối mỗi thuật ngữ ở bên trái với định nghĩa tương ứng ở bên phải.

Empathy (Đồng cảm)		Cách chúng ta thể hiện sự tôn trọng và tử tế khi trực tuyến.
Posting (Đăng bài)		
Etiquette (Nghi thức/Phép xã giao)		Chấp nhận ai đó hoặc điều gì đó ngay cả khi bạn không đồng ý hoặc không hiểu quan điểm.
Respect (Tôn trọng)		
		Có thể hiểu được người khác đang cảm thấy thế nào.
		Đưa một cái gì đó lên internet.

Etiquette

Respect

Empathy

Posting

LIVEWORKSHEETS